

CHUYÊN ĐỀ 3: MỸ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

A. NƯỚC MỸ

I. Tình hình kinh tế nước Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

* Tình hình chung:

- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ không bị thiệt hại mà thu được nhiều lợi nhất, vì Mỹ được Đại Tây Dương và Thái Bình Dương che chở. Do đó, đất nước không bị chiến tranh tàn phá, lại được yên ổn sản xuất. Hơn nữa, trong thời gian chiến tranh, Mỹ còn thu được món lợi khổng lồ do buôn bán vũ khí .

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất trong thế giới tư bản .

* Về kinh tế:

- Trong những năm 1945 -1950, Mỹ đạt được những kì tích về kinh tế: + Về công nghiệp: chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới .

+ Về nông nghiệp: sản lượng nông nghiệp của Mỹ gấp hai lần sản lượng nông nghiệp của Anh, Pháp, Tây Đức, Ý-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại .

+ Về tài chính: Mỹ nắm giữ 3/4 dự trữ vàng của thế giới .

+ Về quân sự: Mỹ có lực lượng mạnh nhất được trang bị các loại vũ khí hiện đại, giữ độc quyền về vũ khí hạt nhân .

- Hai thập kỉ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là trung tâm kinh tế - tài chính giàu mạnh nhất thế giới .

* Nguyên nhân của sự phát triển kinh tế Mỹ: - Đất nước không bị chiến tranh tàn phá .

- Tài nguyên phong phú, nhân công dồi dào .

- Dựa vào thành tựu khoa học-kĩ thuật.. .

- Có nền sản xuất vũ khí phát triển cao (thu 114 tỉ USD trong chiến tranh) .

- Trình độ tập trung sản xuất và tư bản cao .

Tuy nhiên kinh tế Mỹ những thập niên sau không còn giữ ưu thế tuyệt đối .

* Nguyên nhân làm cho kinh tế của Mỹ bị suy giảm: - Bị Tây Âu và Nhật bản vươn lên và cạnh tranh gay gắt .

- Kinh tế Mỹ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng .

- Do tham vọng theo đuổi tham vọng làm bá chủ thế giới, Mỹ chi phí những khoản lớn cho việc sản xuất vũ khí và các cuộc chiến tranh xâm lược .

- Sự chênh lệch giữa các tầng lớp trong xã hội

II. Sự phát triển về khoa học - kĩ thuật của Mỹ sau chiến tranh

- Nước Mỹ là nơi khởi đầu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai với việc chế tạo chiết máy tính điện tử đầu tiên vào tháng 12-1946 .

- Mỹ đạt được nhiều thành tựu kì diệu trong việc chế tạo ra vật liệu mới, năng lượng mới, tiến hành "Cách mạng xanh", tiến hành cách mạng trong giao thông vận tải, thông tin liên lạc và chinh phục vũ trụ .

- Nhờ những thành tựu đó, nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng và đời sống vật chất, tinh thần của người dân Mỹ đã có nhiều cải thiện .

III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh

- Mối quan hệ nhất quán giữa chính sách đối nội phản động và chính sách đối ngoại bành trướng xâm lược là nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới của giai cấp tư sản cầm quyền Mỹ .

* Đối nội:

- Hai đảng tư sản là Đảng Dân Chủ và Đảng Cộng hoà thay nhau thống trị và cầm quyền ở Mĩ với những chính sách đối nội thông nhất sau: - Chính phủ Mĩ đã ban hành một loạt các đạo luật phản động nhằm chống lại phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở trong nước như Đạo luật Táp-Hác-lây (Chống phong trào công đoàn và phong trào đình công), Luật Mác-Ca-ran (Chống Đảng Cộng sản), Luật Kiểm tra lòng trung thành (loại bỏ những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy Nhà nước Mĩ)..vv .

* Đối ngoại: - Đề ra "Chiến lược toàn cầu" với ý đồ thống trị thế giới .

- Các hành động bành trướng, xâm lược của Mĩ, thi hành "chính sách thực lực", thành lập các khối quân sự, viện trợ kinh tế quân sự cho các nước đồng minh.. .

- Những thất bại nặng nề mà Mĩ đã vấp phải như can thiệp vào Trung Quốc (1945 -1946), Cu Ba (1959 -1960), nhất là trong cuộc Chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 -1975). Tham vọng của Mĩ là to lớn, nhưng khả năng thực tế của Mĩ lại hạn chế (do những nhân tố chủ quan và khách quan) .

B. NHẬT BẢN

I. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh

- Nhật Bản là nước bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai nên bị mất hết thuộc địa .

- Đất nước bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, bị Mĩ ném bom nguyên tử huỷ diệt hai thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki .

- Thất nghiệp trầm trọng, lương thực và hàng hoá tiêu dùng thiếu thốn gay gắt, lạm phát với tốc độ phi mã, kéo dài từ năm 1945 đến năm 1949 .

- Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Nhật Bản bị quân đội nước ngoài (Mĩ) kéo vào chiếm đóng .

- Quân đội Mĩ kéo vào chiếm đóng, Nhật Bản đã không cai quản trực tiếp mà thông qua bộ máy chính quyền Nhật Bản, vẫn duy trì ngôi vua của Thiên Hoàng. Dưới chế độ quân quản của Mĩ, một loạt các cải cách dân chủ được tiến hành: + Ban hành Hiệp pháp mới (1946) có nhiều nội dung tiến bộ .

+ Thực hiện cải cách ruộng đất (1946 - 1949) .

+ Giải giáp các lực lượng vũ trang, giải thể các công ti độc quyền lớn .

+ Thanh lọc các phần tử phát xít khỏi các cơ quan nhà nước .

+ Ban hành các quyền tự do dân chủ .

Nhờ đó, nước Nhật đã có một chuyển biến lớn và sâu sắc từ chế độ chuyên chế sang chế độ dân chủ. Chính điều này trở thành một nhân tố quan trọng tạo nên sự phát triển "Thần kì" về kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh (1952- 1973) .

II. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh

1. Thành tựu đạt được sau chiến tranh

- Từ năm 1945 - 1950, kinh tế Nhật Bản phát triển chậm chạp: Sản lượng công nghiệp năm 1946 chỉ bằng 1/4 so với trước chiến tranh .

- Nền kinh tế Nhật Bản được khôi phục và bắt đầu phát triển mạnh mẽ khi Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh Triều Tiên (6 - 1950) và chiến tranh xâm lược Việt Nam những năm 60 thế kỉ XX .

- Trong những năm 1951 - 1960, kinh tế Nhật Bản đạt được bước phát triển "Thần kì", trở thành một trong ba trung tâm kinh tế-tài chính của thế giới. Biểu hiện: + Về tổng sản phẩm quốc dân: năm 1950 chỉ đạt được 20 tỉ USD, nhưng đến năm 1968 đã đạt tới 183 tỉ USD .

+ Về công nghiệp, trong những năm 1950, 1960, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 15% .

+ Nhờ áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại, đã cung cấp hơn 80% nhu cầu lương thực trong nước, 2/3 nhu cầu thịt sữa, nghề đánh cá rất phát triển .

2. Nguyên nhân đạt những thành tựu - Nhờ tác động của những thành tựu chung của nền kinh tế thế giới .

- Nhờ biết tận dụng những thành tựu đang phát triển của cách mạng khoa học - kĩ thuật thế giới .
- Vai trò của Nhà nước: Trong đó Bộ Công nghiệp và Thương mại Nhật Bản (MITI) được đánh giá là "Trái tim của sự thành công Nhật Bản". Những cải cách dân chủ tạo điều kiện và thúc đẩy kinh tế phát triển .
- Con người Nhật Bản: Từ những điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và môi trường xã hội, con người Nhật Bản được hình thành với những giá trị truyền thống được đề cao là:
 - + Cần cù lao động và có tình yêu với thiên nhiên .
 - + Biết tìm ra cái hay của người khác để học hỏi và tận dụng nó để phục vụ mình .
 - + Tính kỉ luật và có ý thức rõ ràng về nghĩa vụ, bổn phận .
 - + Trung thành với những bậc quyền uy và luôn giữ trọn chữ tín .
 - + Biết chịu đựng và giữ phép lịch sự .
 - + Tiết kiệm và biết lo xa .
- Quan tâm đến công tác giáo dục, đào tạo con người có năng lực, giữ vững bản sắc và văn hóa dân tộc, có ý chí vươn lên trong mọi hoàn cảnh .

Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế do:

- + Hài hất nguyên liệu, năng lượng phải nhập từ nước ngoài .
- + Sự chèn ép cạnh tranh của Mỹ và nhiều nước khác .

Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản đã lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài chưa từng thấy. Những hạn chế đó đòi hỏi Nhật Bản phải tìm mọi biện pháp giải quyết

III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh

* Đối nội:

- Với những cải cách sau chiến tranh, Nhật Bản đã chuyển từ chế độ chuyên chế sang chế độ dân chủ với những quyền tự do dân chủ tư sản. Nhật hoàng không còn là đấng tối cao bất khả xâm phạm, chỉ còn là một biểu tượng .
- Đảng dân chủ tự do - Đảng của giai cấp tư sản Nhật Bản liên tiếp lên cầm quyền, tiến hành nhiều cải cách dân chủ, nhưng về sau, quyền dân chủ bị thu hẹp dần .

* Đối ngoại:

- Với "Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật" (1951), Nhật Bản lệ thuộc vào Mỹ, được che chở và bảo vệ dưới "cái ô hạt nhân" của Mỹ, nhất là trong thời kì "chiến tranh lạnh" .
- Tìm mọi cách xâm nhập và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình bằng việc thi hành một chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị và tập trung vào phát triển các quan hệ kinh tế đôi ngoại như trao đổi buôn bán, tiến hành đầu tư và viện trợ cho các nước, đặc biệt đối với các nước Đông Nam Á .
- Sau "chiến tranh lạnh", từ đầu những năm 1990, Nhật Bản đã giành nhiều nỗ lực để vươn lên trở thành một cường quốc chính trị, nhằm xoá bỏ hình ảnh mà thế giới thường nói về Nhật Bản- "một người khổng lồ về kinh tế", nhưng lại là một chú lùn về chính trị". Trong những năm gần đây, Nhật Bản đang vận động để trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, giành quyền đăng cai tổ chức các hội nghị quốc tế các kì Thế vận hội, hoặc đóng góp tài chính và những hoạt động quốc tế của Liên hợp quốc.. .

C. CÁC NƯỚC TÂY ÂU

I. Tình hình chung

- Trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), nhiều nước Tây Âu đã bị các lực lượng phát xít chiếm đóng và tàn phá rất nặng nề: nhiều trung tâm công nghiệp thành phố, bến cảng, nhà máy bị tàn phá. Hàng triệu người chết, mất tích hoặc bị tàn phế Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp giảm mạnh so với trước chiến tranh .

+ Pháp: bị thiệt hại to lớn về kinh tế. Năm 1944, sản xuất công nghiệp của Pháp giảm 38%, nông nghiệp giảm 60% so với trước chiến tranh .

+ I-ta-li-a: sản xuất công nghiệp giảm 30%, nông nghiệp chỉ đảm bảo 1/3 nhu cầu lương thực trong nước .

+ Anh: kinh tế Anh phát triển chậm sau chiến tranh, vị trí kinh tế của Anh ngày càng giảm sút .

Tháng 6 - 1945, nước Anh nợ tới 2 tỉ bảng Anh .

- Sau chiến tranh, để khôi phục nền kinh tế đất nước, 16 nước Tây Âu như Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a... đã nhận viện trợ của Mỹ theo ""Kế hoạch Mác-san", kinh tế các nước Tây Âu được phục hồi nhưng ngày càng lệ thuộc vào Mỹ .

- Chính sách đối nội:

+ Giai cấp tư sản cầm quyền luôn tìm cách thu hẹp các quyền tự do, dân chủ, xoá bỏ các cải cách tiên bộ, ngăn cản phong trào công nhân và phong trào dân chủ .

- Chính sách đối ngoại:

+ Nhiều nước Tây Âu đã tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược nhằm khôi phục ách thống trị đối với các thuộc địa trước đây: Hà Lan trở lại xâm lược In-đô-nê-xi-a (tháng 11 -1945) .

Pháp trở lại xâm lược Đông Dương (tháng 9 - 1945) .

Anh trở lại xâm lược Mã Lai (tháng 9 -1945) .

+ Các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (gọi tắt là NATO) do Mỹ lập ra (tháng 4 - 1949) nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu .

- Nước Đức sau chiến tranh: + Tháng 9 - 1949, Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức được thành lập, nền kinh tế của Cộng hoà Liên bang Đức được phục hồi và phát triển nhanh chóng. Ở khu vực phía đông nước Đức, nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức thành lập (10 - 1949) .

+ Từ những năm 60 và 70 của thế kỷ XX, sản xuất công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức vươn lên đứng thứ 3 trong thế giới tư bản, sau Mỹ và Nhật Bản .

+ Do những biến chuyển của tình hình ở Liên Xô và Đông Âu, tháng 10 - 1990, Cộng hoà Dân chủ Đức đã sáp nhập vào Cộng hoà Liên bang Đức. Sau bốn thập niên bị chia cắt, nước Đức đã trở lại thống nhất .

II. Sự liên kết khu vực

1. Nguyên nhân của sự liên kết

Có chung một nền văn minh, có nền kinh tế không cách biệt nhau lắm và từ lâu đã liên hệ mật thiết với nhau. Sự hợp tác là cần thiết nhằm mở rộng thị trường, giúp các nước Tây Âu tin cậy nhau hơn về chính trị, khắc phục những nghi kị, chia rẽ đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử .

Từ năm 1950, sau khi đã hồi phục, nền kinh tế bắt đầu phát triển nhanh, các nước Tây Âu muốn thoát dần sự lệ thuộc Mỹ. Nếu đứng riêng lẻ, các nước Tây Âu không thể đọ sức với Mỹ, họ cần liên kết để cạnh tranh với các nước ngoài khu vực .

2 Quá trình hình thành và phát triển của sự liên kết

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai không lâu, ở Tây Âu đã xuất hiện xu hướng liên kết kinh tế khu vực. Sự liên kết ấy được biểu hiện: - Tháng 4 -1951 - "Cộng đồng than, thép châu Âu" ra đời .

- Tháng 3 - 1957 - "Cộng đồng năng lượng nguyên tử ở châu Âu", sau đó là "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC) được thành lập .

Năm 1965, ba cộng đồng trên sáp nhập lại thành Cộng đồng châu Âu (EC) .

- Hội nghị Ma-a-xtơ-rích (Hà lan) tháng 12 - 1991 đánh dấu một mốc đột biến của quá trình liên kết quốc tế ở Tây Âu với hai quyết định quan trọng về kinh tế- tài chính và chính trị .

- Ngày 1 - 11 - 1993 - Liên minh châu Âu (EU) .

- Ngày 1 - 1 - 1994, Cộng đồng kinh tế châu Âu mang tên mới Liên minh châu Âu (ELT) .

- Năm 1999, số thành viên của EU là 15 nước (thêm Áo, Phần Lan, Thụy Điển) .

- Sau hơn 40 năm tồn tại, EU đã tạo ra một cộng đồng kinh tế và một thị trường chung với sức mạnh của dân số 320 triệu người có trình độ khoa học, kĩ thuật cao .

- Năm 2000, các nước EU dự kiến sẽ tiến hành một liên bang nhất thể hoá châu Âu về kinh tế và chính trị .

- Năm 2004, số thành viên của EU là 25 nước

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Từ năm 1945 đến những năm 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế của Mỹ như thế nào? Vì sao? Nhận xét chung về sự phát triển thăng trầm đó .

- Từ năm 1945 đến những năm 50 của thế kỉ XX, Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất trong thế giới tư bản .

+ Về công nghiệp: chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới .

+ Về nông nghiệp: sản lượng nông nghiệp của Mỹ gấp hai lần sản lượng nông nghiệp của Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại .

+ Về tài chính: Mỹ nắm giữ 3/4 dự trữ vàng của thế giới .

+ Về quân sự: Mỹ có lực lượng mạnh nhất được trang bị các loại vũ khí hiện đại, giữ độc quyền về vũ khí hạt nhân .

* Nguyên nhân:

- Đất nước không bị chiến tranh tàn phá .

- Tài nguyên phong phú, nhân công dồi dào .

- Dựa vào thành tựu khoa học-kĩ thuật.. .

- Có nền sản xuất vũ khí phát triển cao (thu 114 tỉ USD trong chiến tranh) .

- Trình độ tập trung sản xuất và tư bản cao .

- Từ những năm 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế Mỹ đang ngày càng giảm sút, không còn chiếm ưu thế tuyệt đối như trước kia: + Sản lượng công nghiệp của Mỹ năm 1973 chỉ còn chiếm 39,8% sản lượng công nghiệp của thế giới .

+ Dự trữ vàng cạn dần, chỉ còn 11,9 tỉ USD .

+ Đồng USD có lúc bị giảm giá .

-Vì:

+ Bị Tây Âu và Nhật Bản vươn lên và cạnh tranh gay gắt .

+ Kinh tế Mỹ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng .

+ Do theo đuổi tham vọng làm bá chủ thế giới, Mỹ chi phí những khoản lớn cho việc sản xuất vũ khí và các cuộc chiến tranh xâm lược .